

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN G, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Phương;
2. Ông Trần Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần G.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần G, tỉnh L, Tòa án nhân dân huyện Cần G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16/5/2022, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày: 18/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Cẩm L, sinh năm: 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Thới An B, xã Long Vĩnh, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền G..

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố Tân Phước, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Chị Phạm Thị Cẩm L trình bày:

Chị Phạm Thị Cẩm L và Anh Nguyễn Quốc V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kim (nay là thị trấn Cần G), huyện Cần G, tỉnh L vào ngày 16/5/2007. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị L trình bày là do Anh V chơi ma túy đá, thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình và các con. Vợ chồng sống chung được 07 năm thì Chị L dẫn hai người con ruột về huyện Gò Công T, tỉnh Tiền G. để sinh sống đến nay. Từ thời điểm vợ chồng không còn sống chung, Anh V và Chị L không

có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu ly hôn với Anh V.

Về con chung: Chị L và Anh V có con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 19/4/2009 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/02/2011. Hiện các con đang sống chung với Chị L. Nếu Tòa án cho ly hôn, Chị L yêu cầu Anh V cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi người con là 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Anh Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng Anh V đều vắng mặt không có lý do. Anh V cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu ly hôn của Chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần G được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng Anh V vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Anh V.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 16/5/2007 do Ủy ban nhân dân xã Tân Kim (nay là thị trấn Cần G), huyện Cần G, tỉnh L cấp thì Chị Phạm Thị Cẩm L và Anh Nguyễn Quốc V là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Chị L và Anh V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị L trình bày là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do Anh V chơi ma túy đá, thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình và các con. Vợ chồng sống chung được 07 năm thì Chị L dẫn hai người con ruột về huyện Gò Công T, tỉnh Tiền G. để sinh sống đến nay. Thời gian không sống chung, Chị L và Anh V không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải, nhưng anh chị không thể hòa giải đoàn tụ thành. Tòa án đã triệu tập họp lệ Anh V tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng Anh V vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Chị L và Anh V đã trầm trọng, thời gian anh chị không sống chung đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của Chị L là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị L và Anh V có con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 19/4/2009 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/02/2011. Hiện các con đang sống chung với Chị L, điều kiện sống các cháu ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao Chị L nuôi dưỡng cháu Phụng và cháu Khoa. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

Chị L yêu cầu Anh V cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đối với con chưa thành niên thì cha, mẹ không sống chung với con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình để xem xét mức cấp dưỡng cụ thể. Theo đó mức cấp dưỡng mà Chị L yêu cầu là cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng, phù hợp với nhu cầu thiết yếu về điều kiện học tập và điều kiện sinh hoạt của các cháu tại địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 17/8/2022.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Nguyễn Quốc V chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Cẩm L đối với Anh Nguyễn Quốc V.

1. *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Cẩm L được ly hôn với Anh Nguyễn Quốc V.

2. *Về con chung:* Chị Phạm Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 19/4/2009 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/02/2011. Anh Nguyễn Quốc V cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P, cháu K đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 17/8/2022.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Phạm Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí Chị L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00013451, ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần G chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước. Anh Nguyễn Quốc V chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần G;
- Chi cục THADS huyện Cần G;
- UBND thị trấn Cần G;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

